

SXD

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 3074/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v giao dự toán chi ngân sách tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách tỉnh theo biểu đính kèm Quyết định này cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh sử dụng ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng năm 2025.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách tỉnh được giao, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm:

1. Phân bổ, quản lý, sử dụng; quyết toán kinh phí theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và thực hiện công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

2. Chấp hành nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 07/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước; Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 29/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật kỷ cương hành chính, tăng cường vai trò trách nhiệm trong tham mưu xử lý công việc.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước; Cục trưởng Cục Thống kê và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao dự toán, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lưu: TH, VT



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hoàng Nghiệp



CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

CHỈ TIÊU CHI NGÂN SÁCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN CHI NĂM 2025	GHI CHÚ
Tổng cộng	17.691	
1. Chi quản lý hành chính (Chương 419, Loại 340, Khoản 341)	12.324	
1.1. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (1)	7.606	
1.2. Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.718	
1.2.1. Kinh phí hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	456	
1.2.2. Kinh phí hoạt động chuyên ngành (2)	4.262	
- Kinh phí hoạt động pháp chế, cải cách hành chính (gồm các nội dung: chi công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo kiểm tra xử lý, rà soát, hệ thống hóa, đánh giá văn bản quy phạm pháp luật; Góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; Chi cho công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, chi hỗ trợ cho công chức pháp chế; chi xây dựng tin, bài thông tin tuyên truyền cải cách hành chính, chuyển đổi số; Công tác phí, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, nghiệp vụ chuyên môn)	93	
- Kinh phí phục vụ cấp giấy phép xây dựng, giấy phép hoạt động xây dựng, chứng chỉ kiến trúc sư (gồm các nội dung: Công tác phí, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, chi nghiệp vụ chuyên môn, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, phí dịch vụ)	18	
- Kinh phí phục vụ công bố chỉ số giá xây dựng (gồm các nội dung: chi phí lập dự toán, xử lý số liệu, tính chỉ số giá các công trình cho việc công bố chỉ số giá; Công tác phí, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, chi phí nghiệp vụ chuyên môn, sửa chữa, thông tin tuyên truyền liên lạc)	37	
- Kinh phí phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng (gồm các nội dung: Công tác phí; Dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, chi phí nghiệp vụ chuyên môn; Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, thông tin tuyên truyền liên lạc)	23	
- Kinh phí kiểm tra hoạt động chuyên ngành xây dựng, kiểm tra tiến độ, chất lượng - công tác nghiệm thu, khảo sát hiện trạng - đánh giá chất lượng còn lại của công trình, công tác xây dựng nhà ở (gồm các nội dung: Công tác phí, nhiên liệu xe, thuê xe, vật tư văn phòng, chi phí nghiệp vụ chuyên môn, sửa chữa)	29	
- Chi phí thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành khác (Các nhiệm vụ đột xuất do UBND tỉnh giao, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ CTMTQG NTM, diễn tập quân sự, thẩm định giá, đánh giá quy hoạch, công tác giải phóng mặt bằng, chi phí phục vụ tổ chức đấu thầu phát sinh khi dự toán chưa bố trí), (gồm các nội dung: Công tác phí, nhiên liệu xe, thuê xe, dịch vụ công cộng, hội nghị, vật tư văn phòng, chi phí nghiệp vụ chuyên môn, sửa chữa, hội nghị, chi phí phục vụ tổ chức đấu thầu)	82	

NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN CHI NĂM 2025	GHI CHÚ
- Kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng (gồm các nội dung: Nhiên liệu, bảo dưỡng xe; Công tác phí; sửa chữa bảo trì tài sản, trang thiết bị; tập huấn các quy định về xử phạt vi phạm hành chính; Chi thuê mướn kiểm định chất lượng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; Vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền liên lạc, mua công cụ dụng cụ, thuê mướn phương tiện, hội nghị)	125	
- Chi may, sắm trang phục thanh tra (Áo sơ mi dài tay nam, nữ (5 cái); Quần áo xuân hè ngắn tay nam, nữ (10 bộ); Dép quai hậu nam, nữ (5 đôi); Bít tất (10 đôi); Quần áo mưa (5 bộ); Giày da nam (3 đôi)	18	
- Kinh phí công bố đơn giá nhân công xây dựng	300	
- Kinh phí công bố đơn giá máy, thiết bị xây dựng	202	
- Kinh phí cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy cơ sở (trang thiết bị, diễn tập phòng cháy, hỗ trợ đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở)	22	
- Kinh phí xây dựng định mức dự toán cho công tác xây dựng đặc thù đường thủy (đường sông) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	2.414	
- Kinh phí mua sắm 01 máy vi tính, 01 máy in phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước	18	
- Kinh phí sửa chữa Trụ sở làm việc	367	
- Kinh phí công bố chỉ số giá xây dựng gốc	514	
2. Chi sự nghiệp kinh tế (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, Chương 419, Loại 280, Khoản 332)	5.367	
- Kinh phí lập Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2026-2030	635	
- Kinh phí Điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030	529	
- Kinh phí lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	1.304	
- Kinh phí lập Quy hoạch phân khu Khu vực phía Đông sông Saintard (đoạn từ cầu Saintard đến cống Cái Xe), tỷ lệ 1/2.000	1.620	
- Kinh phí lập Đề án cấp nước sạch đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1.279	

Ghi chú

(1) Tổng quỹ tiền lương là 6.076 triệu đồng, tính theo mức lương cơ sở 2,340 triệu đồng/tháng; bao gồm kinh phí đảm bảo các chế độ hiện hành và đã trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định với số tiền là 170 triệu đồng.

(2) Đã trừ 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định số tiền là 44 triệu đồng.